

Số: 12 /XHC - NQ - HĐQT

Xuân Hòa, ngày 06 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Góp vốn đầu tư và ủy quyền người đại diện vốn

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN HÒA VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam ban hành theo Quyết định số 636 ngày 08/11/2022;

Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 05/11/2025 của phiên họp HĐQT Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua chủ trương góp vốn vào Công ty cổ phần NETT Việt Nam, cụ thể như sau:

- Loại hình doanh nghiệp dự kiến góp vốn thành lập: Công ty Cổ phần
- Tên doanh nghiệp dự kiến góp vốn thành lập:
Tên Công ty bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần NETT Việt Nam
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng) tương ứng với 4.000.000 (Bốn triệu) cổ phần.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Trung Hà, Xã Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.
- Số tiền Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam góp là: 20.800.000.000 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi tỷ tám trăm triệu đồng) tương ứng với 2.080.000 cổ phần, chiếm 52% vốn điều lệ của Công ty dự kiến thành lập.
- Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu "x" để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
3	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599	
4	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay)	2811	
5	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812	
6	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813	
7	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	
8	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815	
9	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816	
10	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817	
11	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818	
12	Sản xuất máy thông dụng khác	2819	
13	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821	
14	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822	
15	Sản xuất máy luyện kim	2823	
16	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824	
17	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	
18	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Sản xuất xe UTV điện</i>	2910	
19	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920	
20	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930	
21	Sản xuất mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Sản xuất xe đạp điện, xe máy điện</i>	3091	x
22	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100	
23	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290	
24	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	
25	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
26	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313	
27	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
28	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu "x" để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
29	Sửa chữa thiết bị khác	3319	
30	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
31	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
32	Thu gom rác thải độc hại	3812	
33	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
34	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822	
35	Tái chế phế liệu	3830	
36	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900	
37	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
38	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Bán buôn xe UTV điện (trừ đầu giá)</i>	4511	
39	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) <i>Chi tiết: Bán lẻ xe UTV điện</i>	4512	
40	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác <i>(trừ đầu giá)</i>	4513	
41	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520	
42	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>(trừ đầu giá)</i>	4530	
43	Bán mô tô, xe máy <i>Chi tiết: Bán xe đạp điện, xe máy điện (trừ đầu giá)</i>	4541	
44	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542	
45	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy <i>(trừ đầu giá)</i>	4543	
46	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (Trừ môi giới bất động sản, bảo hiểm)</i>	4610	
47	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	
48	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
49	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	
50	Bán buôn tổng hợp <i>(trừ loại Nhà nước cấm)</i>	4690	
51	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
52	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(trừ đầu giá)</i>	4774	
53	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet <i>(trừ đầu giá)</i>	4791	
54	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu <i>(trừ đầu giá)</i>	4799	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu "x" để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
55	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP); - Hoạt động chuyển đồ đạc; - Cho thuê xe tải có người lái; - Vận tải hàng hóa bằng xe động vật hoặc người kéo.	4933	
56	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	
57	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
58	Vận tải hàng hóa hàng không	5120	
59	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
60	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động hoa tiêu)	5222	
62	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224	
63	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
64	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229	
65	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310	
66	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320	
67	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
68	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230	
69	Dịch vụ đóng gói	8292	
70	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</i>	8299	

Điều 2. Hội đồng quản trị ủy quyền người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tại Công ty cổ phần NETT Việt Nam như sau:

- Người đại diện phần vốn góp: (ông) Nguyễn Việt Anh - Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/02/1977 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001077022116 - Cấp ngày: 29/04/2021
- Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Địa chỉ thường trú: Hoa Lan 6-17 Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội

- Địa chỉ liên lạc: Hoa Lan 6-17 Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội

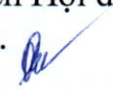
- Phạm vi ủy quyền: Ông Nguyễn Việt Anh có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

+ Đại diện phần vốn góp, thay mặt Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tại Công ty cổ phần NETT Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến phần vốn góp của Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam tại Công ty cổ phần NETT Việt Nam theo điều lệ Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam và quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thời hạn ủy quyền: Ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký Nghị quyết này cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Điều 3. Hội đồng quản trị giao cho ông Nguyễn Anh Tuấn - thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam - triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này theo đúng quy định của XHC cũng như quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 4 (eoffice);
- Lưu VT, HĐQT (Hs.02).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Anh